

## **BẢN THẢO**

**Xin đừng trích dẫn, đăng lại... mà không có sự đồng ý của tác giả**

---

### **Lại bàn về « Quốc-học »**

**Hà Dương Tuấn**

#### **Tóm lược :**

« Quốc học », hiểu một cách đơn giản có thể gọi là « giáo dục Đại học » của một nước, về cả hình thức tổ chức lẫn nội dung ; nhưng nghĩa hẹp thường dùng là nội dung, và nghĩa hẹp hơn nữa, đó còn là phần học thuật đặc thù trong văn hoá một nước. Bài này, sau khi tìm hiểu về « Quốc-học » trong lịch sử Việt-Nam (phần 1), sẽ mô tả đại cương khung cảnh học thuật thời thuộc Pháp đầu thế kỷ 20, giữa chính sách của Pháp và sách lược đấu tranh của các sĩ phu ái quốc như Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh (phần 2). Điều này cho phép dẫn đến nội dung chủ yếu (phần 3), tập trung trình bày và phân tích cuộc tranh luận về Quốc học, trong đầu thập kỷ 1930, giữa các tác giả Lê Du, Phan Khôi, Nguyễn Trọng Thuật, Phạm Quỳnh (chủ yếu trên hai tờ báo « Phụ Nữ Tân Văn » và « Nam Phong » ); với tư cách là đại diện thuộc phái hoà hiệp với Pháp của thế hệ sau hai cụ Phan. Cuối cùng (phần 4), tác giả điếm qua các học giả nói về Quốc học từ khi đất nước chia cắt cho tới nay, với các tác giả miền Bắc và sau thống nhất (như ???) và các tác giả miền Nam như Nguyễn Thanh Lãng, Nguyễn Đăng Thục. Và để kết luận, tác giả đề nghị cái nhìn của riêng mình cho giáo dục « Quốc học » như một phần của bộ môn văn hoá đại cương cho Đại học Việt Nam hiện nay, với hy vọng mở ra được một cuộc thảo luận.

## **Mục lục :**

### 0. Dẫn nhập

#### 1. Từ ngữ và khái niệm

##### 1.1. « Quốc-học » theo từ nguyên

##### 1.2. « Quốc-học » thời thuộc Pháp

##### 1.3. Cần thiết mở rộng ý nghĩa Quốc-học theo quan điểm hiện đại

#### 2. Khung cảnh lịch sử của cuộc tranh luận năm 1931

##### 2.1. Đầu thế kỷ 20

###### 1/ Con đường Đông Du :

###### 2/ Con đường Duy Tân :

##### 2.2. Trong những năm 20 của thế kỷ 20

###### 1/ Các chủ trương bạo động

###### 2/ Chủ trương cải lương

#### 3. Cuộc tranh luận năm 1931 về Quốc-học

##### 3.1 Cách hiểu Quốc-học của Lê Du :

##### 3.2 Cách hiểu Quốc-học của Phạm Quỳnh :

##### 3.3 Cách hiểu Quốc-học của Phan Khôi :

##### 3.4 Sự tổng hợp của Nguyễn Trọng Thuật :

#### 4. Từ đó đến nay

#### 5. Để kết luận : một vài nhận xét

#### 6 . Tài liệu trích dẫn

## 0. Dẫn nhập

Bài này bắt đầu với Phạm Quỳnh không phải vì ông là nhân vật quan trọng nhất cho chủ đề, mà vì từ năm ngoái, sau khi quý văn hoá Phan Châu Trinh tôn vinh học giả Phạm Quỳnh, đã nảy ra nhiều ý kiến thảo luận trên mạng về ông. Theo thiên ý, quyết định nói trên là đúng đắn, hiện nay đã có sự đồng thuận rằng ông là một nhà yêu nước, một nhà văn hoá lớn, tuy rằng sự dẫn thân chính trị của ông vẫn đặt ra những câu hỏi đúng sai. Đóng góp của ông cho văn chương và ngôn ngữ Việt Nam, với cương vị chủ bút tạp chí Nam Phong – mặc dù đây là một tạp chí do thực dân Pháp thành lập – , có tầm quan trọng lâu dài hơn những thái độ hay quyết định chính trị của ông lúc sinh thời, không thuộc chủ đề bài này.

Một cách ngẫu nhiên, tôi được đọc trên trang FB của một người bạn những bàn luận về bài « Bàn về Quốc-học » của Phạm Quỳnh, và đã lỡ miệng bình luận nhanh rằng « có phần đúng, cũng có phần cần phản biện, nhưng với một tâm cơ như Phạm Quỳnh thì nói gì cũng phải suy nghĩ kỹ ». Thế là phải tìm hiểu về Quốc-học và cuộc tranh luận trên chủ đề này, chủ yếu trong năm 1931, với Lê Du, Phan Khôi, Nguyễn Trọng Thuật, và Phạm Quỳnh. Hoá ra thấy vấn đề quả nhiên không đơn giản, và cũng thú vị, tuy có phần phải chẻ sợi tóc làm tư để cố trình bày lại một cuộc thảo luận vốn mang nhiều nhiệt tình.

### 1. Từ ngữ và khái niệm

Để tiếp cận cuộc tranh luận đó một cách khách quan nhất có thể, người viết bài này xin tạm quên các tác giả nói trên để tự tìm hiểu một cách độc lập. Lý do là trong một cuộc tranh luận nhiều khi luận cứ của các bên xuất phát từ những cách hiểu khác nhau về từ ngữ ; cùng một từ nhưng trong đầu mỗi tác giả có những khái niệm không hoàn toàn như nhau. Xác định những khác biệt này giữa các tác giả với nhau một cách đơn giản nhất chính là xác định những khác biệt giữa từng người với một cách hiểu rộng nhất và duy nhất.

#### 1.1. « Quốc-học » theo từ nguyên

Vậy Quốc-học là gì ? Tiếp cận đầu tiên dễ được đồng thuận nhất chính là theo ý nghĩa từ nguyên, Quốc-học có nghĩa : những điều được giảng dạy trong một trường học ở cấp cao nhất, nhằm đào tạo nhân tài cho nhà nước ; khái niệm gần nhất ngày nay có tên là « Giáo dục Đại học » (về Xã hội và Nhân văn). Nội dung của Quốc-học trước thời thuộc Pháp nói chung là Khổng Giáo trong đại đa số các triều đại, nhưng đã bao gồm cả ba truyền thống Nho, Phật, Đạo. ngay từ thời Lý.

## /A/ Thời Lý (1009 - 1225) :

Lý Nhân Tông (1066-1127) là một vị vua sùng đạo Phật, xây chùa khắp nơi [LNT]; nhưng đồng thời thành lập năm 1076 **Quốc Tử Giám** Hà Nội, và như chúng ta biết, Quốc Tử Giám chỉ thờ Khổng Tử và một số « Á thánh » khác của đạo Nho. Đặc biệt nên để ý là có tượng thờ Chu Văn An (1292-1370), người thầy của vua Trần Hiến Tông (1319-1341, lên ngôi năm 1329).

Về Đạo giáo thì quả thật, từ những tư tưởng triết học rất uyên thâm của Lão Trang, từ lâu đã biến hình theo ba con đường : Một là con đường giữ được tính triết lý cao nhất thường dành cho văn chương của các nhà nho xuất thế, hoặc vì không thành công trong hoạn lộ, hoặc sau khi đã về ở ẩn. Hai là những hình thức thờ phụng bình dân có tính cách bái vật, nhưng vẫn được tôn trọng trong văn hoá dân gian. Và ba là do việc các đạo sĩ từ xưa đi tìm trường sinh bất lão nên lâu dài, bất kể những giải thích phi khoa học, đã đạt được những thành công thực nghiệm trong đời sống thường ngày, về y học, về tu luyện thân thể (võ học)... Ngoài ra, về một mặt nào đó thì Đạo giáo cũng đã nhiễm vào một số giáo phái Phật giáo, các nhà sư cũng làm phép thuật, cầu đảo, như trong Mật tông chẳng hạn. « ...năm 1073, mưa dầm, vua sai rước Phật Pháp Vân về kinh để cầu tạnh, cúng thần núi Tản Viên; năm 1117, không mưa, cầu đảo ở hành cung... Những buổi lễ cầu đảo này thường do các nhà sư đảm nhiệm. » (Đại Việt sử ký toàn thư, trích theo [LNT]).

Tất cả những hiện tượng này đều được người Việt du nhập từ Trung Quốc [NL]. Có một chút sắc thái khác biệt chẳng là tinh thần hoà đồng (syncretisme) của người Việt, có thể do đến từ một khung cảnh luôn luôn cần đoàn kết chống ngoại xâm.

## /B/ Thời Trần (1225 - 1400) :

Trong thời Trần tinh thần tam giáo vẫn còn : , « Năm Nguyên phong thứ I, mùa thu tháng 8 mở khoa thi chung cả ba giáo lý lấy người ra làm quan. Năm Nguyên phong thứ III mùa hè tháng 6 dựng ra **Viện Quốc học**....»[NĐT]. Đó là năm 1253 dưới triều vua Trần Thái Tông, tên viện theo tiếng Hán là **Quốc-học Viện**.

Trong giai đoạn chống quân Nguyên đã có nhiều tác phẩm văn chương yêu nước và chiến lược quân sự (Trần Hưng Đạo).

Tuy nhiên, vào cuối thời Trần nhiều nho sĩ đã bắt đầu chịu ảnh hưởng TQ : « Lê Bá Quát, Tráng Hán Siêu đã nhai lại chủ thuyết Tống nho “tịch dị đốn” bài bác các học phái khác với mình nghĩa là Lão học và Phật học để làm bài văn bia chùa Thiên phúc

(Bắc gian) muốn đả kích đạo Phật ở Việt nam mà phải thú nhận đương thời “Đạo Phật cảm động lòng người, sao mà được người ta tin thâm sâu và bền vững thế” [NĐT] »

Điểm nổi bật là sự xuất hiện của văn chương chữ Nôm.

\*

/C / Sau thời Trần thì lịch sử VN trở nên tản mạn, bị xé nhỏ thành những giai đoạn ngắn ngủi lược kê như sau (theo Wikipedia) :

**Nhà Hồ** 1400 - 1407) ; **Nhà Minh (TQ)** xâm chiếm (1407 - 1427) ; **Nhà Hậu Lê** (1428 - 1789) trong đó nhiều giai đoạn mất hẳn quyền lực (hoặc chỉ còn giữ được danh nghĩa) như **nhà Mạc** (1527 - 1592) **Nhà Lê trung hưng** (1533 – 1789) trong đó là thời **Trịnh-Nguyễn** phân tranh rồi cuối cùng là nhà **Tây Sơn** (1778 – 1802).

Dễ hiểu là trong 4 thế kỷ này có ít những thành tựu học thuật, ngoài **Nguyễn Trãi** (1380 – 1442) : với **Bình Ngô Đại Cáo**, và những bài thơ chữ Nôm trong «**Quốc âm thi tập**». Cuối giai đoạn này phải kể đến **La Sơn Phu Tử** (1723-1804) trong thời Tây Sơn với ba bài tấu khuyên vua "**Quân đức**", "**Dân tâm**" và "**Học pháp**".

\*

/D / **Nhà Nguyễn** :

« *Trẫm muốn mở Quốc-học và Sùng văn để tỏ bày giáo hóa* »... là lời vua Gia Long[2] năm 1803, một năm sau khi ông lên ngôi, để nói lên ý muốn xây dựng **Đốc Học Đường** . Cũng như Quốc-học Viện, đây là một trường « đại học » của chế độ quân chủ theo mô hình **Quốc Tử Giám** Hà Nội. Tuy nhà Nguyễn vẫn tôn sùng Phật giáo như một tín ngưỡng, nhưng giáo lý đạo Phật từ lâu đã không còn trong học thuật chính thống nữa, thi cử chỉ thuần túy khảo sát Nho học.

## 1.2. « *Quốc-học* » thời thuộc Pháp

Thời đại mới của Việt Nam bắt đầu với cuộc xâm lược của nước Pháp, và cuối thế kỷ 19, với sự thất bại hoàn toàn của phong trào Cần vương, sự cai trị của Pháp coi như đã ổn định ; mặc dù các cuộc đấu tranh giành độc lập dưới nhiều hình thức vẫn tiếp diễn không bao giờ ngừng, người Pháp đã có thể khai thác và « khai hoá » vùng đất thuộc địa Đông Dương. Từ « Quốc-học » đã xuất hiện trở lại, nhưng đó chỉ là một tên trường trung học theo kiểu Pháp. Đó là trường **Quốc-học** do Toàn quyền Đông Dương A. Rousseau và vua Thành Thái (lúc đó 17 tuổi) thành lập[3] tại Huế từ 1896. Trường phổ thông này (cho học sinh từ 15 đến 20 tuổi) dạy bằng cả tiếng Hán lẫn tiếng Pháp ; tiếng Pháp là ngôn ngữ chính.

Phải chăng tên trường và chương trình dạy mang tham vọng đào tạo một thế hệ trí thức mới với một nền học thuật chính quy mới, trong đó văn hoá Pháp chiếm phần quan trọng bên cạnh cái học cổ truyền.

### ***1.3. Cần thiết mở rộng ý nghĩa Quốc-học theo quan điểm hiện đại***

Dù chống lại sự áp đặt văn hoá của nhà nước bảo hộ hay không, chúng ta phải công nhận giai đoạn thuộc Pháp đã đưa học thuật Việt Nam tiến vào thời hiện đại. Do đó, để thống nhất cách nhìn, ngày nay chúng ta không thể không mở rộng ý nghĩa của Quốc-học trong một giai đoạn lịch sử (dù cổ đại hay hiện đại) như bao gồm **văn chương, nghệ thuật, và học thuật, bình dân hay bác học, được giảng dạy hay được sáng tạo** – mà giá trị được chấp nhận rộng rãi – trong một nước, trong giai đoạn lịch sử ấy. Dù cho nguồn gốc của một tác phẩm là từ trong nước (tác phẩm nội sinh) hay hay là ngoài nước (tác phẩm ngoại sinh).

Một vài lưu ý :

1/ Chúng tôi coi văn chương là một bộ phận của Quốc-học vì văn chương – khi được lưu truyền rộng rãi trong một thời gian dài – luôn luôn tiềm ẩn những giá trị văn hoá của một dân tộc. Ca dao thuộc về Quốc-học, cũng như Kinh Thi thuộc về Hán học (và do đó Kinh Thi cũng thuộc về Quốc-học của Việt Nam trong một thời gian rất dài) .

2/ Trong trường hợp ngoại sinh, văn chương học thuật đó có thể đã bị áp đặt khi đất nước bị lệ thuộc, hay/và được người bản địa coi là có giá trị một cách phổ quát. Học thuật được coi như có giá trị phổ quát – dù nội sinh hay ngoại sinh – xin tạm gọi ngắn gọn là Học-thuật-chung, với ý nghĩa tương tự như cụm từ « thế giới công học », cái học chung cho cả thế giới, của Nguyễn Trọng Thuật, theo [4]. Dĩ nhiên, Học-thuật-chung nổi bật nhất là Hán học trong thời đại mà tầm nhìn của vua chúa các nước Á châu không có gì ngoài thế giới do nên văn hoá Trung quốc thống trị và áp đặt.

3/ Ở đây ta còn sẽ thấy một khả năng gây tranh luận khác : Lý do : trong một thời gian đáng kể, những giá trị của một kết quả học thuật nào đó, bị áp đặt như thuộc về Học-thuật-chung, có thể được một số học giả đáng kể đồng ý, và một số đáng kể khác không đồng ý. Thí dụ hiển nhiên cho thời đại mới là chữ Quốc Ngữ trong giai đoạn đầu.

4/ Có khi Quốc-học chỉ được hiểu như Quốc-học nội sinh, gây hiểu nhầm đối với cách hiểu rộng hơn nói trên.

5/ Hiểu như một ngành học thuật đương đại, Quốc học còn là « ngành học vấn nghiên cứu sâu về văn hóa truyền thống »[x], chẳng hạn như Phạm Quỳnh khi kêu gọi « chấn hưng quốc học » [x] tức chấn hưng sự hiểu biết về văn hoá truyền thống, chứ không

hẳn là chấn hưng nền học thuật đương thời của nước Việt. Đó cũng là một phần ý nghĩa mà các tác giả trong cuộc tranh luận có hàm ý.

## 2. Khung cảnh lịch sử của cuộc tranh luận năm 1931

### 2.1. Đầu thế kỷ 20

Tình trạng Pháp thuộc đầu thế kỷ : Cuối thế kỷ 20 thì phong trào Cần Vương (1885-1896) và các cuộc khởi nghĩa đã bị dẹp tắt, chế độ thuộc địa đã ổn định, con đường bạo động đi vào bế tắc nhưng tinh thần ái quốc vẫn sôi sục trong dân chúng và trong sĩ phu, do đó hai bên đều phải tìm những con đường khác : về phía Pháp là chính sách xây dựng hạ tầng cơ sở cùng với khai thác tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên con người, nhiều mặt tàn khốc. Nhưng bên cạnh đó, về vật chất họ tổ chức được hạ tầng cơ sở giao thông, y tế, xây dựng đô thị... về tinh thần họ phát triển giáo dục, các cơ quan ngôn luận công hay tư, đội ngũ học giả và chuyên viên bản xứ, từ đó hình thành một văn hoá mới... Phải nói nền tảng tổ chức này rất chính quy, hợp lý, và Việt Nam còn thừa hưởng lâu dài ít hay nhiều từ đó, dưới nhiều hình thức.

Người thực hiện chính sách này về văn hoá là cấp dưới của toàn quyền Albert Sarraut, Louis Marty, trưởng phòng chính trị. Marty trực tiếp kiểm soát tờ Nam Phong, cũng như tất cả những sản phẩm văn hoá khác. Đáng buồn là cho đến nay thân phận và vai trò cụ thể đích thực của Marty vẫn chưa được điều tra và đánh giá nhất quán. Những đánh giá trong thời chiến, trong thời bình về sau, tại miền Nam hay miền Bắc còn nhiều cảm tính và thành kiến.

\*

Không thể tổ chức bạo động giành độc lập với những ý thức và phương pháp cũ của Cần Vương, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám... các sĩ phu Việt Nam cũng phải đi tìm những con đường mới, mà trước hết là tìm học tại những nguồn văn hoá mà họ thấy mang nhiều hy vọng nhất. Kết tinh lại có những hai khuynh hướng nổi bật với hai đại diện tiêu biểu là Sào Nam - Phan Bội Châu (1867-1940) và Tây Hồ - Phan Châu Trinh (1872-1926), khởi đầu với **Duy Tân hội** (1904-1912) và **phong trào Duy Tân** (1906-1908), đều xuất phát từ miền Trung, quê hương của hai cụ ; họ gặp gỡ và bàn bạc nhiều lần, và cuối cùng chúng ta thấy có một sự chọn lựa hay/và phân công : Hai nhân vật kiệt xuất của đất nước trong giai đoạn này, đại diện cho hai con đường đấu tranh, đều được người VN vô cùng ngưỡng mộ, như lịch sử cho thấy ; tuy rằng mỗi người VN dần thân sâu hơn phải chọn cho mình một trong hai giải pháp. Thêm nữa họ luôn luôn kính trọng nhau.

Cụ Tây Hồ phát động phong trào Duy Tân trong nước, cùng với Ngô Đức Kế (1878-1929), Trần Quý Cáp (1870 – 1908), và Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947); trong khi cụ Sào Nam, với Duy tân hội, lo tổ chức đưa người sang đào tạo tại Nhật Bản; hai hình thức hoạt động này còn được gọi là **Ám Xã** (âm thầm ra nước ngoài), và **Minh xã** (hoạt động công khai trong nước).

1/ Con đường Đông Du và chuẩn bị đấu tranh võ trang :

Nhân vật chủ chốt trong con đường này là cụ Phan Bội Châu. Ông lớn hơn Phan Châu Trinh 5 tuổi, năm 18 tuổi (1885) thì phong trào Cần Vương bắt đầu, ông đi vào cuộc đấu tranh giành độc lập. Và cho đến khi ông mất năm 1940, sau 15 năm bị Pháp quản thúc tại gia ở Huế, cuộc đời đấu tranh không ngưng nghỉ đó trải qua nhiều thăng trầm và theo nhiều sách lược.

– từ 1885 đến 1905 Ngay năm 1885 khi còn 18 tuổi PBC đã thành lập cùng bạn bè đội vũ trang « Sĩ tử cần vương đội » cỡ 100 người. Năm 1900 PBC đỗ giải nguyên. Nhiều chứng từ cho thấy tài văn chương của ông, có thể nức lòng người, nâng cao tinh thần ái quốc.

– từ 1905 đến 1909 PBC khởi xướng phong trào Đông Du, cổ vũ và tổ chức cho thanh niên sang Nhật, trong đó có Kỳ Ngoại Hầu Cường Để (1882–1951) mà PBC muốn đưa lên làm « Hội Chủ » của Duy Tân Hội với tư cách dòng dõi nhà vua.

– từ 1909 đến 1925 : 1909 PBC bị trục xuất ra khỏi Nhật kể từ đó ông bôn ba trong các nước láng giềng (Trung Quốc, Thái Lan), 1912 thành lập VN Quang Phục Hội QPH, dùng tên nước là Việt Nam.

Trong ba giai đoạn trên PBC vẫn chủ trương : đấu tranh bạo động, cầu ngoại viện, nhưng từ khi lập QPH ông mới ngả hẳn sang một mô hình nhà nước dân chủ, kêu gọi ý thức Quốc Gia, Quốc Dân (nation-state), đặt nặng hơn lực lượng trong nước.

Nói chung chính sách của ông là cầu ngoại và tổ chức đấu tranh bạo động nặng hơn việc nâng cao dân trí, tuy vẫn nêu ra mục đích này. Trong việc cầu ngoại Nhật cũng như TQ, ông đều bị nhà cầm quyền hai nước này phản bội và trục xuất.

2/ Con đường Duy Tân và đấu tranh) :

Nhân vật tiêu biểu là cụ Tây Hồ - Phan Châu Trinh (1872-1926). Đã có quá nhiều sách báo hay trang mạng nói đến cụ Phan Châu Trinh cùng các đồng chí và phong trào Duy Tân, chẳng hạn như [6].

Phong trào Duy tân chủ trương tiến hành một cuộc cách mạng văn hóa - giáo dục trong nước. Do sự gọi ý của hai cụ Phan, trường *Đông Kinh nghĩa thực* ra đời; với Lương

Văn Can (1854-1927) làm hiệu trưởng và nhiều sĩ phu trẻ tuổi khác tới giảng dạy, trường chuyên thực hiện cụ thể sự nghiệp giáo dục theo hướng Duy Tân, nhằm « khai dân trí », theo khẩu hiệu “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” do Phan Châu Trinh nêu ra [7]. Họ cố vũ bỏ cái học từ chương, theo đuổi những giá trị hiện đại như thương nghiệp, nông nghiệp, học nghề, học chữ Quốc ngữ... đặc biệt cụ Tây Hồ chính thức xác nhận khẩu hiệu này trong một bức thư gửi Nguyễn Ái Quốc [7bis].

Đáng tiếc là Đông Kinh nghĩa thực chỉ kéo dài được 9 tháng (03-12/1907) thì đã bị đã bị chính quyền Pháp ra lệnh đóng cửa và đàn áp tàn bạo [7]. Hiện tượng này rất đáng suy ngẫm về chủ trương văn hoá giáo dục « có định hướng », không ngần ngại dùng vũ lực để « uốn nắn », của nhà nước Pháp. Dù bạo động hay không cũng bị Pháp đàn áp bằng lực lượng vũ trang và ngục tù.

Năm 1908 một cuộc bạo động nổ ra ở miền Trung Việt Nam, PCT bị vu cáo là người tổ chức, bị kết án tử hình, sau nhờ *Ligue des Droits de l'Homme* can thiệp, ông được thả năm 1910 và bị trục xuất sang Pháp. Ông chỉ về VN năm 1925 và mất tháng 3-1926

\*

Hai cụ Phan chỉ gặp nhau trong hai tuần lần cuối cùng trong năm 1906 tại Thượng Hải, khi cụ Sào Nam trên đường từ nhật về nước và Tây Hồ từ trong nước sang Nhật để gặp cụ Sào Nam ; và bức thư gửi NAQ có nhắc việc cụ Tây Hồ khuyên cụ Sào Nam nên theo khẩu hiệu ba vế trên. Sau đó không lâu thì cụ Tây Hồ bị Pháp bắt giam và cụ Sào Nam tiếp tục bôn ba hải ngoại.

Khi vua Thành Thái bị Pháp lưu đày thì con ông mới 7 tuổi, được đưa lên nối nghiệp năm 1907, đến năm 1916 thì lại bị lưu đày ; và triều đình Huế lập niên hiệu là Duy Tân, cũng không phải tình cờ.

## **2.2. Trong những năm 20 của thế kỷ 20**

Về mặt « lãnh đạo tối cao » của nhà nước : Thành Thái và Duy Tân là hai vị vua đại diện cuối cùng của tinh thần độc lập dân tộc và tích cực chống Pháp trong chế độ quân chủ, nhưng hiển nhiên, chế độ quân chủ không còn tương lai ở Việt Nam. Vua Khải Định (1885-1925) lên ngôi từ 1916, và vua Bảo Đại (1913-1997), kế tục sau khi Khải Định mất, là vị vua cuối cùng của triều Nguyễn như chúng ta đều biết... đều là những bù nhìn và có ý thức mình là bù nhìn ; cho nên họ chỉ ăn chơi là chính, phải chấp nhận số phận ấy nếu không muốn bị lưu đày như các vị vua yêu nước Thành Thái, Duy Tân, Hàm Nghi, đời trước. Không cần nói thêm về họ trong khuôn khổ bài này.

\*

Sau khi các phong trào Đông Du và Duy Tân bị Pháp đàn áp triệt để thì phong trào sĩ phu có phân hoá thành những đường rẽ rõ rệt và có thể nói có khi thù địch :

1/ Chủ trương tiếp tục chuẩn bị bạo động theo những con đường và chủ thuyết mới, trong đó có những người Cộng sản thuộc Quốc tế Cộng sản Đệ Tam, hay Quốc tế Cộng sản Đệ Tứ ; có Việt Nam Quốc Dân Đảng theo mô hình Quốc dân Đảng Trung Quốc

2/ Chủ trương cải lương : thoả hiệp và cộng tác với Pháp để truyền bá những hiểu biết mới qua chữ Quốc ngữ và chữ Pháp một cách công khai ; họ cố vũ học nghề, lập hội, làm báo. Viết sách phổ biến Khoa học... Liên quan đến bài viết này là tờ *Nam Phong* do Phạm Quỳnh sáng lập và điều hành cùng với nhà nho Nguyễn Bá Trác. Phải nói thẳng là cuộc thảo luận về Quốc-học trên tờ Nam Phong đã diễn ra sòng phẳng và thoải mái trong bề sâu. Hiện tượng học thuật mà từ đó cho đến nay nói chung rất hiếm có tại miền Bắc và cả nước sau 1975.

Đồng thời rất đáng để ý là phong trào phụ nữ tại miền Nam. Một điểm son cần đặc biệt nêu rõ, đó là chính sách về nữ quyền của người Pháp – đồng thời với việc truyền bá văn hoá giáo dục Pháp – , chính sách đó tuy không thể như ngày nay, nhưng so với xã hội phong kiến cổ truyền của Việt Nam thì cởi mở hơn rất nhiều. Một hậu quả quan trọng liên quan đến bài này là sự xuất hiện những tờ báo cho phụ nữ, trong đó có trình độ cao nhất là tờ *Phụ Nữ Tân Văn* xuất bản tại Sài Gòn từ 2.5.1929 đến 21.4.1935. Phụ Nữ Tân Văn cũng là một trong hai nơi đăng tải các bài tranh luận về Quốc-học. Tờ kia là *Nam Phong*.

### 3. Cuộc tranh luận năm 1931 về Quốc-học

sẽ lấy những ý chính của IMAI AKIO, trích nguyên văn dưới đây

#### 3.1 Cách hiểu Quốc-học của Lê Dư :

Là người từng có thời gian lưu học ở Nhật Bản thông qua phong trào Đông Du, Lê Dư khẳng định sự tồn tại và chủ trương chấn hưng “Quốc học”. Từ 1920, ông đã viết nhiều bài báo giới thiệu Nhật Bản như “Nhật Bản tài phong chí”, “Giao thông giữa nước ta và Nhật Bản thời cổ” đăng tải trên tạp chí Nam Phong. Theo Lê Dư, tại Việt Nam từ cổ chí kim có 4 nền văn học (văn học chữ Hán, văn học Phật giáo, văn học Tây học, Văn học bằng chữ Nôm và chữ Quốc ngữ): ba loại đầu chính là nền học vấn xưa nay, chỉ học những thứ này thì không thể hiểu biết hết về đất nước mình cho nên cần phải kiến tạo một nền văn học mới (Dư, 1933). Ông lấy “Quốc học” của Nhật Bản làm hình mẫu và cho xuất bản tập san “Quốc Học Tùng San” từ cuối những năm 1920 với mục đích xác lập nền “Quốc học” tìm hiểu sâu về truyền thống văn học Việt Nam. Dù định nghĩa “Quốc học” là

nền học văn-kỹ thuật của một quốc gia độc lập bao hàm cả ba yếu tố: “quốc văn”- “quốc sử”-“quốc túy” (Dư, 1931), nhưng trên thực tế trong cuộc luận chiến, Lê Dư đã không thể xác định rõ lập trường và làm sáng tỏ suy nghĩ liên quan đến nền học vấn tổng quát. “Quốc học” do ông trình bày, về thực chất có lẽ đúng như Phan Khôi chỉ trích: chỉ mới giới hạn trong văn chương, thiếu phần mở rộng về tư tưởng-học thuật nói chung. Đây là một trong những nguyên nhân khiến cuộc tranh luận về “Quốc học” không thể tiếp tục và phát triển thành một phong trào xã hội sôi nổi.

### **3.3 Cách hiểu Quốc-học của Phạm Quỳnh :**

Như đã trình bày ở trên, trong lúc Lê Dư hiểu về “Quốc học” có phần thiên về văn học thì Phan Khôi và Phạm Quỳnh lại nắm bắt “Quốc học” như một khái niệm có tính học thuật-tư tưởng hơn. Theo đó, hai ông phủ định sự có mặt của “Quốc học” ở Việt nam từ xưa tới đương thời. Tuy nhiên, về sự tồn tại của “Quốc học” từ đó trở đi hai người lại có ý kiến khác nhau. Phạm Quỳnh đề xướng chấn hưng “Quốc học”.

Phạm Quỳnh là nhân vật đã khởi đầu phong trào tán dương kiệt tác văn chương cổ điển Việt Nam- “Kim Vân Kiều” chính là “quốc hồn quốc túy” qua câu nói nổi tiếng: “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn. Tiếng ta còn, nước ta còn”.

Trong luận thuyết năm 1925 với tựa “Chủ nghĩa quốc gia”, Phạm Quỳnh khẳng định: cốt lõi tinh thần của chủ nghĩa quốc gia Việt Nam là Khổng giáo, cốt lõi về mặt văn hóa là Quốc văn và chữ Quốc ngữ, đồng thời đề xướng “Đông Tây dung hợp luận” bằng cách bổ sung “Đạo học” của phương Đông bằng khoa học của phương Tây- thứ vốn hết sức cần thiết cho sự sinh tồn của dân tộc Việt Nam.

Trong cuộc tranh luận về “Quốc học” năm 1931, Phạm Quỳnh chỉ ra rằng độc lập về tinh thần là tiền đề cho độc lập về chính trị và để thực hiện điều đó thì phải có “Quốc học”. Ông còn cho rằng để thiết lập nền “Quốc học” cần dùng phương pháp của khoa học, phát huy cổ học của nước mình và kêu gọi thành lập “Hội chấn hưng Quốc học” (Quỳnh, 1931). Theo đó, quan điểm “Đông Tây dung hợp luận” chủ trương bổ sung “Đạo học” phương Đông và Cổ học của dân tộc bằng khoa học phương Tây của Phạm Quỳnh đã có phần lí tưởng hóa mối quan hệ giữa 3 thành tố này trong khi xem nhẹ mâu thuẫn giữa chúng và thể hiện cách nhìn lạc quan thái quá. Đặc biệt ở điểm chưa làm rõ được mối quan hệ giữa Khổng giáo và khoa học, giữa Khổng giáo và “Quốc học”, ý kiến của Phạm Quỳnh đã chịu sự công kích, phản bác từ Phan Khôi.

### **3.4 Cách hiểu Quốc-học của Phan Khôi :**

Ngay từ đầu, Phan Khôi đã phản đối ý tưởng về “Hội chấn hưng Quốc học” của Phạm Quỳnh. Ông này cho rằng việc thành lập ngành nghiên cứu riêng cho từng lĩnh vực là cần thiết, song không nên thống nhất tư tưởng một cách hấp tấp, miễn cưỡng bằng hình thức nhóm hội mà nên để học thuyết được lọc ra từ những thảo luận và bàn cãi[3] (Khôi, 1930).

Ban đầu, Phan Khôi đã viết bài luận thuyết bằng Hán văn “Phương pháp biến đổi và cải thiện nền học thuật nước ta trong 100 năm tới 論我南國百年來學術之變遷及現辰改良方法” đăng trên tạp chí Nam Phong số 5 & 6 năm 1917, chủ trương giống với ông chủ bút của tờ tạp chí là Phạm Quỳnh: nên điều hòa Nho học và Tây học một cách tương hỗ bổ sung lẫn nhau, cải cách nền học thuật nước nhà, phổ cập “tư tưởng quốc gia” cho “quốc dân” dưới chế độ “bảo hộ” của Pháp. Song về sau, chịu ảnh hưởng từ phong trào Tân văn hóa của Trung Quốc, Phan Khôi đã chia rẽ với Phạm Quỳnh, viết bài báo nhiều kì “Cái ảnh hưởng của Khổng giáo ở nước ta”- đăng trên tờ Thần Chung (晨鐘) năm 1929- thẳng thừng phê phán Nho học. Phan Khôi cho rằng đứng trước hiểm họa diệt vong nếu không tiến hành Âu hóa của đất nước thì ảnh hưởng của Nho giáo sẽ là chướng ngại, cản trở việc cách tân văn hóa, học theo văn hóa phương Tây (khoa học và dân chủ) cho nên tiên quyết phải xóa bỏ những ảnh hưởng xấu của Khổng giáo. Vì cho rằng Khổng giáo và văn minh Tây phương không thể nào hòa hợp, ông phản bác cái gọi là “Đông Tây dung hòa luận”. Mặt khác, dù bày tỏ nguyện vọng thiết lập nền “Quốc học” nhằm thực hiện Âu hóa, mưu cầu “khoa học và dân chủ” song Phan Khôi không chủ trương chấn hưng “Quốc học”. Ông đánh giá cao “hồn Đại Hòa” (大和魂) và tinh thần “võ sỹ đạo” (武士道)-yếu tố nền tảng lập quốc của Nhật Bản và cho rằng chính nhờ không theo những điểm không tốt của văn hóa Trung Hoa mà nước Nhật mới dễ dàng chuyển hướng sang Tây học, thúc đẩy Âu hóa trong tư tưởng học thuật (Khôi, 1937).

Như vậy, có thể thấy cả Phạm Quỳnh lẫn Phan Khôi đều suy nghĩ về “Quốc học” với tư cách là vấn đề của tư tưởng học thuật. Tuy nhiên, cả hai vẫn chưa thể kết nối suôn sẻ lí luận về “Quốc học” với những bàn luận về văn học và văn hóa dân gian (điển hình như phong trào tán thưởng Truyện Kiều hay sự ra đời của Thơ mới), vì thế khiến lí luận này thiếu hẳn phần mở rộng. Mặt khác, tuy cách làm mỗi người khác nhau nhưng Phạm Quỳnh và Phan Khôi có điểm chung cơ bản là ý hướng thúc đẩy Âu hóa. Ngay chủ trương chấn hưng “Quốc học” của Phạm Quỳnh đương nhiên cũng không hề phản đối Âu hóa.

### 3.5 Bài tổng hợp của Nguyễn Trọng Thuật : (chưa tóm tắt)

Đó là khung cảnh lịch sử trước và trong những năm 1930. Thế nhưng sau thời gian đó, thì tại sao trong thời hiện đại vấn đề lại được đặt ra ? Không thể không nghĩ rằng đây là hậu quả của sự thất bại trầm trọng trong chính sách văn hoá giáo dục của chế độ. Vì đặt ra vấn đề Quốc-học cũng tương tự như đặt ra câu hỏi « ta là ai », cũng tương tự như muốn « tìm về bản sắc... Trong khi trước mắt còn bao nhiêu vấn đề cụ thể cần được giải quyết thì người ta thành lập cả một trung tâm nghiên cứu [Thanh Lăng, Phạm Hồng Toàn], người ta thấy vẫn còn cần thảo luận, hội thảo [Nguyễn Ngọc Thiện : <https://www.worldcat.org/title/tranh-luan-van-nghe-the-ky-xx-sach-tham-khao/oclc/606049158?referer=di&ht=edition>] ... mà người viết bài này cũng muốn tham dự. Do đó nên coi cuộc tranh luận này như một bản lề, cũng nên tìm hiểu.

#### **4. Từ đó đến nay (chưa viết)**

- 1) Giai đoạn kháng chiến chống Pháp (sơ lược vì không có nhiều)
- 2) Hai chính sách văn hoá ở hai miền Bắc Nam khi đất nước chia đôi
- 3) Từ Sau 75 cho đến nay

#### **5. Để kết luận : một vài nhận xét**

1/ Toàn bộ Khoa học Tự nhiên (và ngôn ngữ chủ yếu của nó : toán học) đều nằm trong phạm trù Học-thuật-chung. Những nghiên cứu để đánh giá giá trị văn hoá của KHTN không có.

2/ Trong Khoa học Xã hội Học-thuật-chung không tự động có nghĩa là chân lý, bởi vì trong nhiều vấn đề của học thuật thì không có chân lý, giá trị của học thuật đôi khi chỉ nằm ở chỗ nó mang theo lý luận nhất quán, nghiêm túc, được xây dựng trên những tiên đề được tôn trọng, và bản thân nó áp dụng được vào một khía cạnh của thực tế

3/ Cho đến nay chúng ta chỉ nói về Quốc-học như một khái niệm có tính lịch sử văn hoá, trong quá khứ. Tuy nhiên điều quan trọng còn là bàn về Quốc-học như trong hiện tại, và dự phóng cho tương lai. Những ý tưởng và nhận định đó, tiềm ẩn hay không trong trong cuộc tranh luận này, cũng dễ đưa đến những khúc xạ trong phán đoán về quá khứ.

4/ Cuối cùng, thay vì chỉ học hỏi một thứ triết học một chiều và hạn hẹp, mà bản thân nó không thể không bị bóp méo chính bởi vị trí độc tôn của nó ; cần thiết phải thành lập một giáo trình (cursus) về Quốc-học, giáo trình này có thể là một phần của những năm đầu Đại học của bất cứ ngành nào trong Đại học VN, tương tự như trong hai năm đầu đại học khi sinh viên được học về văn hoá tổng quát, « humanities » của Anh Mỹ. Giáo trình đó, thiên nhiên, có thể giúp cho người có văn hoá trong tương lai hiểu, phân

biệt, và so sánh Quốc-học của Việt Nam với Quốc-học của các dân tộc trên thế giới, và với Học-thuật-chung. Từ đó có thể hình thành một đội ngũ nghiên cứu, học hỏi và phê phán các nền Quốc-học qua sự biến đổi của chúng trong lịch sử và trong con đường vừa đồng quy vừa va chạm với nhau. Từ đó có thể xây dựng được một ý thức tự do, độc lập, không tự kiêu và cũng không tự ti trước các nền văn hoá khác. Học hỏi về các nền Quốc-học của nhân loại cũng là bộ phận không thể thiếu của nền Quốc-học Việt Nam hiện đại

\*

Hy vọng rằng những nhận xét nói trên có thể đóng góp phần nào, dù nhỏ bé, cho việc xây dựng môn Quốc-học bên cạnh những môn học văn hoá cổ điển, nói riêng ; và cho ý thức về vai trò của văn hoá tư tưởng, nói chung, trong công cuộc xây dựng đất nước và, qua việc tìm hiểu văn các nền văn hoá phổ quát hay đặc thù của mọi dân tộc, xác định vai trò của học thuật Việt Nam trong các nền học thuật của một thế giới phát triển hài hoà, bền vững.

## **6. Trích dẫn và tham khảo (chưa đầy đủ)**

[TMT] Thích Mật Thể Việt Nam Phật giáo sử lược

[NL] Nguyễn Lang Tổng quan về Phật giáo thời nhà Lý

[LNT] Lê Thị Lan & Nguyễn Thị Hiếu : Vua Lý Nhân Tông với tam giáo

[NĐT] Nguyễn Đăng Thục: Quốc-học, Thâu Hóa và Sáng Tạo

[2] Dấu tích Quốc Tử Giám dưới triều Nguyễn - VnExpress

[3] Sự thành lập Trường Quốc-học Huế qua tài liệu lưu trữ

[4] IMAI AKIO Nghĩ về Quốc-học ở Đông Á...

[5] Chu Hảo : Thử tìm hiểu tầng lớp trí thức Việt Nam

[6] Chương Thâu : Vị trí quan trọng của phong trào Duy Tân đầu thế kỷ XX trong tiến trình lịch sử văn hoá Việt Nam

[7] Nguyễn Hải Hoành : Đông Kinh Nghĩa Thục : Cuộc cách mạng giáo dục...

[7bis] Nghiên cứu lịch sử : Thư gửi Nguyễn Ái Quốc của Phan Châu Trinh